

Bản án số: 07/2024/HS-ST

Ngày 26 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch, bà Hoàng Thị Thoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 09/01/2024, đối với bị cáo: **Dương Văn T**, sinh ngày 05/9/1988 tại tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký tạm trú: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn phổ thông: lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Dương Văn L và bà Trần Thị C (đã chết); có vợ là Hoàng Thị T và 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: năm 2020 bị Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi che giấu việc đánh bạc trái phép; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Hoàng Thị Minh S, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hải V, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Anh Bùi Thế H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Anh Đặng Minh T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tiểu khu Q, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2022, Dương Văn T hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, hình thức vay tín chấp. Khi có người cần vay liên hệ, T quy định cách thức vay theo thời hạn từng gói từ 10 ngày hoặc 20 ngày đến 01 tháng. T đưa mức lãi thấp nhất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, cao nhất 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T lãi rồi thu trước gói vay, tiền gốc cho người vay trả góp theo thời hạn. Một số người vay, nếu không có khả năng thanh toán đủ gói vay theo thời hạn, họ phải liên hệ thoả thuận với T để xin đáo hạn vay gói tiếp theo nhằm thanh toán tiền trả góp còn thiếu của gói vay trước.

Dương Văn T quy định cho người vay hằng ngày phải trực tiếp trả tiền mặt, nếu người vay không đến thì T sử dụng điện thoại di động liên lạc hẹn địa điểm với người vay để gặp lấy tiền hoặc người vay vì lý do không thể gặp trực tiếp thì T gửi số tài khoản 8899012399999 của T mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (MB), để người vay chuyển tiền trả góp vào tài khoản.

Bằng phương thức trên, từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 8 năm 2023, Dương Văn T đã cho 06 người vay 29 gói với tổng số tiền vay là 455.000.000 đồng, mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 256%/năm, cao gấp từ 5,4 lần đến 12,8 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. T đã hưởng lợi tiền lãi từ các gói vay là 51.225.000 đồng, tiền lãi thu được theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 5.821.918 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 45.403.082 đồng. Tổng số tiền gốc người vay chưa trả cho T là 21.500.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Anh Bùi Thế H đã vay của Dương Văn T 02 gói, với tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng:

- Khoảng tháng 6 năm 2022, anh H vay gói thứ nhất, số tiền vay là 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, T quy định mức lãi 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 182,5%/ năm, vượt quá 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. T đã thu đủ gói vay là 5.750.000 đồng.

- Khoảng tháng 3 năm 2023, anh H vay gói thứ hai, số tiền vay là 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T cắt trước số tiền lãi là 1.500.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 182,5%/năm, vượt quá 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Khi cho vay T giữ căn cước công dân của anh H để làm tin.

Dương Văn T hưởng lợi tiền lãi từ 02 gói vay của anh H là 2.250.000 đồng. Trong đó, tiền lãi Dương Văn T thu được theo quy định là 246.575 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.003.425 đồng.

Hiện anh H còn nợ T số tiền gốc 10.000.000 đồng.

2. Bà Hoàng Thị Minh S từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 đã vay của Dương Văn T 13 gói, với tổng số tiền 140.000.000 đồng, cụ thể:

- 12 gói với số tiền vay mỗi gói 10.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán của mỗi gói vay là 20 ngày, mức lãi vay 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cắt lãi trước từng gói vay là 1.400.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 256%/ năm, vượt quá 12,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền gốc trả góp mỗi ngày 500.000 đồng.

- 01 gói với số tiền vay là 20.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán của gói vay là 20 ngày, mức lãi vay 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cắt lãi trước gói vay là 2.800.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 256%/năm, vượt quá 12,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền gốc trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng.

Trong thời gian cho vay, ngoài giao nhận tiền mặt, T cho bà Sen số tài khoản ngân hàng là 8899012399999 của T, mở tại Ngân hàng Cồ phần Thương mại Quân đội (MB), để bà Sen chuyển trả hoặc T chuyển tiền vay vào tài khoản ngân hàng Sacombank 040060699242 của bà Sen.

Với 13 gói vay của bà S, Dương Văn T đã hưởng lợi số tiền lãi 19.600.000 đồng. Trong đó, tiền lãi Dương Văn T thu được theo quy định là 1.543.247 đồng, thu lợi bất chính số tiền 18.065.753 đồng.

Hiện bà S còn nợ T 10.000.000 đồng tiền gốc.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng C đã vay của Dương Văn T 02 gói, với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 17/8/2022, bà C vay gói thứ nhất, số tiền vay là 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, T không đưa mức lãi cụ thể mà cắt lãi trước số tiền 1.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 122%/ năm, vượt quá 6,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Bà C đã thanh toán đủ gói vay cho T.

- Ngày 20/9/2022, bà C vay gói thứ hai, số tiền vay là 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày, mức lãi gói vay 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T thu tiền lãi trước số tiền 2.100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 256%/năm, vượt quá 12,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền gốc trả góp mỗi ngày 750.000 đồng. Bà C đã trả hết số tiền gốc cho T, trong đó có một số lần chuyển trả thông qua tài khoản ngân hàng cho T.

Với 02 gói vay của bà C, Dương Văn T đã hưởng lợi số tiền lãi 3.100.000 đồng. Trong đó, tiền lãi T thu được theo quy định là 328.767 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.771.233 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị Hải V trong tháng 9 năm 2022 đã vay của Dương Văn T 01 gói với số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày, mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất là 182,5%/năm, vượt quá 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Bà V nhận vay và trả bằng tiền mặt.

Dương Văn T đã thu đủ tiền của gói vay và hưởng lợi số tiền lãi từ bà V là 500.000 đồng. Trong đó, tiền lãi T thu được theo quy định là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 445.205 đồng.

5. Chị Nguyễn Thị Mỹ L từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 đã vay của Dương Văn T 05 gói, với tổng số tiền là 35.000.000 đồng, cụ thể:

- 03 gói vay với số tiền mỗi gói là 5.000.000 đồng, thời hạn vay mỗi gói là 20 ngày, mức lãi mỗi gói là 7000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. T thu tiền lãi trước từng

gói với số tiền là 700.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 256%/ năm, vượt quá 12,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Chị Lệ đã trả đủ các gói vay cho T.

- 02 gói vay, số tiền vay mỗi gói là 10.000.000 đồng, thời hạn vay mỗi gói là 20 ngày, mức lãi mỗi gói là 7000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T thu tiền lãi trước từng gói với số tiền là 1.400.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 256%/năm, vượt quá 12,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Với 05 gói vay của chị L, Dương Văn T đã hưởng lợi số tiền lãi 4.900.000 đồng. Trong đó, tiền lãi T thu được theo quy định là 383.562 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.516.438 đồng.

Hiện chị L còn nợ T số tiền gốc là 1.500.000 đồng.

6. Anh Đặng Minh T đã vay của Dương Văn T 06 gói, với tổng số tiền vay là 235.000.000 đồng, cụ thể:

- Gói thứ nhất, ngày 05/8/2023 anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, T quy định mức lãi 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cắt lãi trước gói vay số tiền 500.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 182,5%/năm, vượt quá 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Gói thứ hai, ngày 08/8/2023 anh T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, mức lãi 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cắt lãi trước gói vay với số tiền là 1.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 182,5%/năm, vượt quá 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Gói thứ ba, ngày 11/8/2023 anh T vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, mức lãi 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cắt lãi trước gói vay số tiền 1.500.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 182,5%/năm, vượt quá 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Gói thứ tư, ngày 13/8/2023 anh T vay số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, mức lãi 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cắt lãi trước gói vay với số tiền là 8.100.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 109,5%/ năm, vượt quá 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

- Gói thứ năm, ngày 18/8/2023 anh T vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, mức lãi 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cắt lãi trước gói vay với số tiền là 5.400.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 109,5%/ năm, vượt quá 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

- Gói thứ sáu, ngày 19/8/2023 anh T vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 35 ngày, mức lãi 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, T cắt lãi trước gói vay với số tiền là 4.375.000 đồng, tương ứng mức lãi suất là 182,5%/ năm, vượt quá 9,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Dương Văn T đã thu đủ tiền các gói vay và hưởng lợi tiền lãi từ các gói vay của anh T số tiền là 20.875.000 đồng. Trong đó, tiền lãi Dương Văn T thu được theo quy định là 3.273.973 đồng, thu lợi bất chính số tiền 17.601.027 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Dương Văn T khai nhận, trước khi khởi tố vụ án có cho chị Đoàn Thị Linh G, trú tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vay số tiền 10.000.000 Đồng, thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi là 1.000.000 đồng. Sau khi bị khởi tố, T không thừa nhận cho chị G vay mà chỉ cho chị G mượn không T lãi. Kết quả

kiểm tra dữ liệu trong điện thoại của T có nội dung tin nhắn nhắc nhở đòi tiền giữa T với tài khoản Zalo “Dược sĩ thủy dương”, nội dung tin nhắn chỉ nhắc trả tiền mượn chứ không T lãi. T thừa nhận tài khoản Zalo “Dược sĩ thủy dương” là của chị Dương - con gái chị G, sau khi chị G mượn số tiền 20.000.000 đồng của T rồi bỏ trốn. Anh Đoàn Sỹ Hùng là chồng chị G trả thay được 5.000.000 đồng, thấy khả năng thu hồi thấp, T cho không chị G 5.000.000 đồng, chỉ đòi nợ 10.000.000 đồng, nên nhắn tin cho D liên lạc với mẹ để trả tiền cho T. Hiện chị G không có mặt tại địa phương. Vì vậy, việc vay mượn tiền trên giữa chị G với T không có căn cứ để xác định dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Về vật chứng vụ án mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo loại A57, số Imei 869945060490212.
- 01 căn cước công dân mang tên Bùi Thế H.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả căn cước công dân lại cho anh Bùi Thế H.

Tại Cáo trạng số 56/CTr-VKS-P3 ngày 25/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Dương Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 50.000.00 đồng đến 70.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo loại A57 mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu số tiền 455.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trong đó, buộc Dương Văn T nộp lại số tiền dùng vào việc phạm tội là 433.500.000 đồng; buộc anh Bùi Thế H phải nộp lại 10.000.000 đồng, bà Hoàng Thị Minh S phải nộp lại 10.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp lại 1.500.000 đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi thu được theo mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 5.821.918 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các khoản tiền 45.403.082 đồng là tiền thu lợi bất chính do vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Tuyên án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định.

Sau khi tranh tụng, bị cáo Dương Văn T nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố và luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa. Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng của mình là trái pháp luật và bày tỏ sự ăn năn hối cải về hành vi đó. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai, tài liệu chứng cứ liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc những người tham gia tố tụng này vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn T đều thống nhất khai nhận, trong thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 8 năm 2023, tại địa bàn thành phố Đồng Hới và huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Dương Văn T đã cho 06 người vay với 29 gói vay, tổng số tiền cho vay là 455.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 256%/năm, cao gấp từ 5,4 lần đến 12,8 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Thông qua hành vi cho vay nói trên, Dương Văn T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 45.403.082 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Dương Văn T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 56/CTr-VKS-P3 ngày 25/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Dương Văn T về tội danh, điều luật, khung hình phạt đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xem xét T chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tài chính, tiền tệ, mà còn làm cho người vay tiền đã khó khăn còn lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn; hành vi cho vay lãi nặng cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ năng lực nhận biết được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn hưởng lợi bất chính cộng với ý thức coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về quá trình nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân, năm 2020, bị cáo bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính về hành vi che giấu việc đánh bạc trái phép.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn

thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bố, mẹ của bị cáo là những người có công, được tặng thưởng Huân, Huy chương do tham gia kháng chiến chống Mỹ, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Căn cứ T chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với mức án nghiêm minh, tương xứng với T chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhằm có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với T chất của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Cần áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xử lý biện pháp tư pháp như sau:

- Đối với số tiền 455.000.000 đồng là tổng số tiền gốc bị cáo Dương Văn T sử dụng cho anh Bùi Thế H, bà Hoàng Thị Minh S, bà Nguyễn Thị Hồng C, bà Nguyễn Thị Hải V, chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Đặng Minh T vay, đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Trong số tiền nói trên, bị cáo đã cho vay và thu lại được tổng số tiền gốc 433.500.000 đồng nên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại 21.500.000 đồng hiện người vay chưa thanh toán cho T cần buộc những người này nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước, gồm: anh Bùi Thế H 10.000.000 đồng, bà cHoàng Thị Minh Sen 10.000.000 đồng, hị Nguyễn Thị Mỹ L 1.500.000 đồng.

- Đối với số tiền 5.821.918 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay, cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về số tiền 45.403.082 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20% mà Dương Văn T thu lợi bất chính của người vay, khoản tiền này người vay không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên bị cáo phải nộp lại để trả lại cho người vay. Cụ thể: Dương Văn T phải trả lại cho anh Bùi Thế H 2.003.425 đồng; bà Hoàng Thị Minh S 18.065.753 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng C 2.771.233 đồng; bà Nguyễn Thị Hải V 445.205 đồng; chị Nguyễn Thị Mỹ L 4.516.438 đồng; anh Đặng Minh T 17.601.027 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ của bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Oppo loại A57, số Imei 869945060490212, đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo Dương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 201, Điều 36, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Phạt bị cáo Dương Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ T từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân phường phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Dương Văn T trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Dương Văn T số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (01) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo loại A57, số Imei 869945060490212.

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Dương Văn T phải nộp lại số tiền 433.500.000 (bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) sử dụng vào việc phạm tội và nộp lại số tiền 5.821.918 (năm triệu tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng) là tiền do phạm tội mà có, để sung ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo Dương Văn T phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước là 439.321.918 (bốn trăm ba mươi chín triệu ba trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng).

- Buộc bị cáo Dương Văn T phải trả lại số tiền 45.403.082 (bốn mươi lăm triệu bốn trăm linh ba nghìn không trăm tám mươi hai đồng) thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể:

+ Trả lại cho anh Bùi Thế H 2.003.425 (hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

+ Trả lại cho bà Hoàng Thị Minh S 18.065.753 (mười tám triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng C 2.771.233 (hai triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hải V 445.205 (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ L 4.516.438 (bốn triệu năm trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

+ Trả lại cho anh Đặng Minh T 17.601.027 (mười bảy triệu sáu trăm linh một nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo Dương Văn T nhưng chưa trả cho bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Anh Bùi Thế H phải nộp lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Bà Hoàng Thị Minh S phải nộp lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp lại 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Dương Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với những người có mặt tại phiên tòa) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định (đối với những người vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi nhận:

- Theo khoản 1 Điều 262 BLTTHS;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Vụ GDKT 1 TAND TC;
- Phòng HSNV CAQB (PV06);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu